

Đánh giá tình hình thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới tại huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định

Đỗ Thị Tám¹, Vũ Thị Xuân¹, Xuân Thị Thu Thảo², Nguyễn Thị Hồng Hạnh³, Trương Đỗ Thuỳ Linh⁴, Tô Thuý Nga⁵

¹Học viện Nông nghiệp Việt Nam

²Trường Đại học Lâm nghiệp

³Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

⁴Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh

⁵Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương

Implementing environmental criteria in new rural construction in Giao Thuy district, Nam Dinh province

Do Thi Tam¹, Vu Thi Xuan¹, Xuan Thi Thu Thao², Nguyen Thi Hong Hanh³, Truong Do Thuy Linh⁴, To Thuy Nga⁵

¹Vietnam National University of Agriculture

²Vietnam National University of Forestry

³Hanoi University of Natural Resources and Environment

⁴Nong Lam University, Ho Chi Minh City

⁵Coordinating Office of the National Target Program on New Rural development

<https://doi.org/10.55250/jo.vnuf.13.5.2024.146-156>

TÓM TẮT

Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới (NTM) và NTM kiểu mẫu đã đạt được những kết quả quan trọng góp phần thay đổi bộ mặt nông thôn và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân ở vùng nông thôn. Nghiên cứu này nhằm đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng NTM và NTM nâng cao, từ đó đưa ra giải pháp để thực hiện tốt tiêu chí môi trường trong xây dựng NTM kiểu mẫu tại huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định. Các phương pháp chính được sử dụng là thu thập số liệu, phương pháp đánh giá và phương pháp so sánh. Kết quả cho thấy năm 2017 huyện Giao Thủy đã hoàn thành xây dựng NTM; ngày 02/08/2024 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 761/QĐ-TTg công nhận huyện Giao Thủy đạt chuẩn NTM nâng cao. Năm 2017, huyện có 20/20 xã đạt đạt chuẩn quốc gia NTM, đến năm 2023 có 13/20 xã đạt chuẩn NTM nâng cao và 2 thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh. Kết quả điều tra cán bộ về thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng NTM có 5/5 tiêu chí được đánh giá ở mức rất tốt. Từ đó đã đề xuất được 6 giải pháp để thực hiện tốt tiêu chí môi trường.

ABSTRACT

The national target program on new rural construction and new model rural areas has achieved important results, contributing to changing the face of rural areas and improving the quality of life of people in rural areas. This study was conducted with the aim of evaluating the results of implementing environmental criteria in the process of building new rural areas and advancing new rural areas, thereby proposing solutions to effectively implement environmental criteria in building model new rural areas in Giao Thuy district, Nam Dinh province. The main methods used were data collection, evaluation and comparison. The results showed that in 2017, the district completed the construction of new rural areas, by the August 2nd, 2024, the Prime Minister issued Decision No. 761/QĐ-TTg recognizing Giao Thuy to meet advanced new rural standards. By 2017, the district had 20/20 communes meeting national new rural standards, and by 2023, 13/20

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 26/07/2024

Ngày phân biên: 30/08/2024

Ngày quyết định đăng: 27/09/2024

Từ khóa:

Chương trình mục tiêu quốc gia, huyện Giao Thủy, nông thôn mới, tiêu chí môi trường.

Keywords:

Giao Thuy district, national target program, new rural areas, environmental criteria.

communes meeting advanced new rural standards and 2 towns meeting civilized urban standards. The survey results of cadres on the implementation of environmental criteria in new rural construction showed that 5/5 criteria were evaluated as very good. In the article, 6 solutions to effectively implement environmental criteria were proposed.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Xây dựng nông thôn mới (XDNTM) và NTM nâng cao có tầm chiến lược đặc biệt quan trọng và là yếu tố đảm bảo sự phát triển bền vững của đất nước trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đến năm 2023, cả nước có 6.043/8.167 xã (chiếm 74%) đạt chuẩn NTM [1]. Tiêu chí môi trường - MT (số 17) [2] là một trong những tiêu chí quan trọng nhằm góp phần thay đổi diện mạo nông thôn và nâng cao chất lượng sống của người dân. Tuy nhiên, đây là tiêu chí khó thực hiện, đòi hỏi ý thức cao của người dân, sự quan tâm vào cuộc quyết liệt của chính quyền, kinh phí đầu tư lớn, chế tài xử lý đủ mạnh... Chính phủ đã phê duyệt Chương trình tăng cường bảo vệ MT, an toàn thực phẩm (ATTP) và cấp nước sạch nông thôn trong XDNTM giai đoạn 2021 – 2025 [3].

Năm 2023, tỉnh Nam Định có 191/204 xã, thị trấn đạt chuẩn NTM nâng cao (đạt 93,6%), 25/188 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu (đạt 13,3%). Nhiều huyện trong tỉnh đang hướng đến mục tiêu đạt chuẩn Huyện NTM kiểu mẫu... [4]. Trong 2 năm (2021-2022), toàn tỉnh đã huy động khoảng 20.168 tỷ đồng để thực hiện mục tiêu XDNTM nâng cao, NTM kiểu mẫu. Huyện Giao Thủy đạt chuẩn NTM nâng cao năm 2023 theo Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 02/8/2024 [5]. Tăng cường bảo vệ môi trường (BVMT), ATTP và cấp nước sạch nông thôn trong XDNTM là một trong 6 Chương trình chuyên đề trong XDNTM giai đoạn 2021-2025. Chính vì vậy, đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí MT tại huyện Giao Thủy là vô cùng quan trọng nhằm rút ra những bài học để đẩy mạnh tiến trình đạt chuẩn NTM nâng cao trên địa bàn tỉnh Nam Định.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- *Phương pháp tiếp cận*: sử dụng tiếp cận từ tổng quát tới chi tiết, từ cơ sở lý luận tới thực tiễn; từ chính sách, pháp luật tới thực tế triển khai thực hiện chính sách, pháp luật.

- *Phương pháp thu thập số liệu*: số liệu thứ cấp được kế thừa, thu thập từ các phòng, ban trong huyện và từ các xã. Nội dung điều tra được xây dựng dựa trên nhóm tiêu chí về MT trong Bộ tiêu chí Quốc gia về NTM, NTM nâng cao, gồm các tiêu chí thành phần như trong Bảng 1, 2, 3 và 4. Số liệu sơ cấp được thu thập 30 (đảm bảo độ tin cậy của thống kê) cán bộ công chức có liên quan đến thực hiện tiêu chí MT trong XDNTM tại huyện Giao Thủy để điều tra theo mẫu phiếu soạn sẵn. Các tiêu chí điều tra như trình bày trong Bảng 5, 6.

- *Phương pháp đánh giá*: sử dụng thang đo Likert [6, 7] để đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí MT, tương ứng với 5 điểm từ: rất tốt: 5; tốt: 4; trung bình: 3; kém: 2; rất kém: 1. Chỉ số đánh giá chung là số bình quân gia quyền của số lượng người trả lời và hệ số của từng mức độ áp dụng. Thang đánh giá chung là: rất tốt: $\geq 4,20$; tốt: từ 3,40 đến $< 4,20$; trung bình: từ 2,60 đến $< 3,40$; kém: từ 1,80 đến $< 2,60$; rất kém: $< 1,80$.

- *Phương pháp so sánh*: so sánh kết quả đạt được tại huyện Giao Thủy với tiêu chí MT được quy định trong Bộ Tiêu chí Quốc gia về XDNTM.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng xây dựng nông thôn mới của huyện Giao Thủy

Giao Thủy là huyện đồng bằng ven biển nằm cách thành phố Nam Định 45 km về phía Đông Nam. Năm 2023, huyện có tổng diện tích là 238,02 km², địa hình bằng phẳng, đất đai phù sa màu mỡ; chia thành 20 xã và 02 thị trấn; dân số là 234.000 người. Tổng giá trị sản xuất là 21.506 tỷ đồng, trong đó ngành nông, lâm, thủy sản chiếm 31,35%; công nghiệp, xây dựng chiếm 40,67%; thương mại, dịch vụ chiếm 27,78% [8]. Thu nhập bình quân đầu người theo giá hiện hành 84,46 triệu đồng. Tái cơ cấu ngành nông nghiệp được triển khai mạnh mẽ, đồng bộ. Có nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao theo chuỗi giá trị liên kết. Cơ giới hóa nhanh đã tạo điều kiện hình thành và mở rộng các vùng sản xuất hàng hóa tập

trung, chất lượng cao. Hiện nay huyện có 105 sản phẩm OCOP xếp hạng từ 3 sao trở lên. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển mạnh mẽ, mỗi năm tạo ra trên 1.000 việc làm mới cho lao động nông thôn [9].

Năm 2017 huyện được công nhận đạt chuẩn NTM với 20/20 xã đạt chuẩn NTM. Đến năm 2023 đã có 117/195 xóm/tổ dân phố đạt chuẩn kiểu mẫu; 13/20 xã đạt chuẩn NTM nâng cao theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025, 11/20 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; 01 xã được Bộ NN&PTNT chọn xây dựng xã NTM thông minh;

02 thị trấn đã đạt chuẩn đô thị văn minh. Đến năm 2024, huyện đạt chuẩn NTM nâng cao năm 2023 theo Quyết định số 761/QĐ-TTg [5].

3.2. Tình hình thực hiện tiêu chí môi trường tại huyện Giao Thủy

3.2.1. Cấp xã

a) Tại 20 xã đạt chuẩn nông thôn mới

Đến năm 2023, tất cả 20/20 xã trên địa bàn huyện Giao Thủy đạt chuẩn tiêu chí số 17- MT và AТП, thuộc Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn NTM [2]. Kết quả được trình bày trong Bảng 1.

Bảng 1. Kết quả thực hiện tiêu chí số 17 tại 20 xã đạt chuẩn nông thôn mới

Tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Đồng bằng sông Hồng [2]	Tỉnh Nam Định [10]	Huyện Giao Thủy
17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	≥ 45%	≥ 55% (≥ 40% từ hệ thống cấp nước tập trung)	≥ 55% (≥ 40% từ hệ thống cấp nước tập trung)	100% (94%)
17.2. Tỷ lệ cơ sở SXKD, NTTS, làng nghề đảm bảo quy định về BVMT	≥ 95%	100%	100%	100%
17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn *	≥ 2 m ² / người	≥ 2 m ² / người	≥ 2 m ² / người	4,26 m ² / người
17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch **	UBND tỉnh quy định		Đạt	Đạt
17.6. Tỷ lệ CTR sinh hoạt và CTR không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	≥ 80%	≥ 90%	≥ 90%	98%
17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc BVTV sau sử dụng và CTR y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về BVMT	100%	100%	100%	100%
17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥ 85%	≥ 90%	≥ 90%	100%
17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ MT	≥ 70%	≥ 80%	≥ 80%	97,09%
17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở SXKD thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo AТП	100%	100%	100%	100%
17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn	≥ 30%	≥ 30%	≥ 30%	85%
17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥ 50%	≥ 65%	≥ 65%	100%

* Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố chỉ tiêu cụ thể.

** UBND cấp tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với điều kiện thực tế và đặc điểm văn hóa từng dân tộc.

Tại 20 xã đạt chuẩn NTM, tất cả 12/12 tiêu chí về MT và an toàn thực phẩm đều đạt ở mức độ cao so với tiêu chí xã NTM. Cụ thể có tới 51.031 hộ/54.307 hộ dân được sử dụng nước sạch từ 03 công trình cấp nước tập trung;

1.088/1.088 cơ sở sản xuất kinh doanh (SXKD), nuôi trồng thủy sản (NTTS) đảm bảo quy định về BVMT; 100% cơ sở NTTS tại 09 xã ven biển thực hiện cam kết không sử dụng hóa chất đã hết hạn và hoá chất nằm ngoài doanh mục cho phép;

không có các hoạt động gây ô nhiễm MT [5, 9].

Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện cải tạo vườn tạp, hàng rào cổng ngõ đạt 95% (56.200/59.157 hộ); 1.256/1.796 km đường được trồng hoa, cây bóng mát, cây cảnh, thảm cỏ. Diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn cho 01 người cao gấp hơn 2 lần so với quy định.

Tại 20 xã có 90 nghĩa trang với diện tích 141,4 ha, đảm bảo các quy định của pháp luật về MT và đúng theo quy hoạch sử dụng đất (QHSDĐ). Việc mai táng, hỏa táng được thực hiện theo quy định của pháp luật và các yêu cầu về BVMT, tỷ lệ hỏa táng đạt 18,1% [5, 9].

Tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày ước tính khoảng 82,9 tấn/ngày (30.259 tấn/năm). Trong đó, khối lượng chất thải rắn (CTR) sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt tỷ lệ 98%. Khối lượng chất thải sinh hoạt được phân loại, tái chế và tự xử lý tại hộ gia đình khoảng 6,6 tấn/ngày (2.407 tấn/năm); tại khu tập trung khoảng 74,6 tấn/ngày (27.275 tấn/năm). Khối lượng rác thải sinh hoạt chưa được thu gom và xử lý triệt để chiếm khoảng 2% tổng khối lượng phát sinh. CTR không nguy hại (CTR công nghiệp thông thường, chất thải từ hoạt động chăn nuôi, chất thải xây dựng, phụ phẩm nông nghiệp) khoảng 384,5 tấn/ngày (140.340 tấn/năm) được thu gom, xử lý 100% [5, 9].

Tổng lượng bao bì thuốc BVTV sau sử dụng phát sinh khoảng 7.432 kg/năm. Có 2.462 bể chứa bao bì thuốc BVTV với tỷ lệ thu gom và xử lý là 100%. Tổng khối lượng chất thải y tế và chất thải y tế nguy hại tại các bệnh viện, cơ sở y tế là 182,8 kg/tháng, 100% được thu gom, xử lý.

100% số hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước hợp vệ sinh và thực hiện tốt cuộc vận động “5 không, 3 sạch” đảm bảo theo QCVN 01:2011/BYT. 100% hộ thường xuyên vệ sinh, thau rửa hệ thống thiết bị chứa nước định kỳ 03 tháng/lần; 85% hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn. Tỷ lệ thu gom, xử lý đối với chất thải nhựa đạt tỷ lệ 100% (khoảng 3.669/3.669 tấn/năm), trong đó tái chế, tái sử dụng khoảng 1779,7 tấn/năm, xử lý đạt khoảng 1.889,6 tấn/năm [5, 9].

Có 3.299 cơ sở chăn nuôi, trong đó, có 3.203 cơ sở đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và BVMT, đạt 97,09%. Có 1.113 cơ sở SXKD thực phẩm (467 cơ sở thuộc diện cấp giấy ATTP, 646 cơ sở ký cam kết ATTP); 100% các cơ sở tuân thủ các quy định về đảm bảo ATTP [5, 9].

b) Tại 13 xã đạt chuẩn NTM nâng cao

Đến tháng 12/2023, 13/20 xã đạt xã NTM nâng cao theo Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao [2]. Kết quả thực hiện tiêu chí MT và chất lượng MT sống [5, 9] trình bày trong Bảng 2 cho thấy:

(i) Tiêu chí 17

Tất cả 12/12 tiêu chí về MT đều thực hiện đạt ở mức độ rất cao so với tiêu chí xã NTM nâng cao. 100 % các cơ sở đều đảm bảo quy định về MT tại khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ, NTTS. Có 565/565 cơ sở SXKD, NTTS tại các xã đảm bảo quy định về BVMT được cấp thẩm quyền xác nhận và thực hiện đúng các nội dung cam kết.

Tỷ lệ CTR sinh hoạt và CTR không nguy hại được thu gom, xử lý theo quy định đạt trên 98%. Tỷ lệ hộ thực hiện phân loại CTR tại nguồn đạt tỷ lệ 86,3% (29.992/34.919 hộ). Tổng khối lượng phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái sử dụng là 100% (khoảng 88.786 tấn). 3.299 cơ sở chăn nuôi (100%) với tổng lượng chất thải hữu cơ phát sinh là 38.578 tấn/năm được xử lý. Tổng lượng chất thải nhựa phát sinh là 2.325 tấn/năm, 100% được tái sử dụng, tái chế và xử lý (tái sử dụng, tái chế khoảng 1.208 tấn/năm, được xử lý 1.117 tấn/năm) [5, 9].

100% số hộ tham gia thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng các biện pháp, công trình phù hợp. Có 103 xóm có hệ thống tiêu thoát nước mưa, nước thải bảo đảm nhu cầu tiêu thoát nước của khu vực. Ở 20 xã NTM chưa đánh giá tiêu chí này. Có 2.258/2.315 cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và BVMT, đạt 97,54%, cao hơn so với mức đánh giá của 20 xã NTM. Năm 2023, số trường hợp sử dụng hình thức hỏa táng là 160/799 trường hợp, đạt tỷ lệ 20%, cao hơn so với mức đánh giá của 20 xã NTM. Tổng diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại các điểm

dân cư nông thôn là 439.232 m²/100.927 người, so với mức đánh giá của 20 xã NTM (4,26 đạt tỷ lệ trung bình đạt 4,35 m²/người, cao hơn m²/người) [5, 9].

Bảng 2. Kết quả thực hiện tiêu chí số 17 và số 18 tại 13 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao

Tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Đồng bằng sông Hồng [2]	Tỉnh Nam Định [10]	Huyện Giao Thủy
Tiêu chí 17: Về môi trường				
17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), NTTS có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ MT	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
17.2. Tỷ lệ cơ sở SXKD, NTTS, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ MT	100%	100%	100%	100%
17.3. Tỷ lệ CTR sinh hoạt và CTR không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	≥ 90%	≥ 98%	≥ 98%	98%
17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	≥ 40%	≥ 50%	≥ 50%	100%
17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn	≥ 50%	≥ 50%	≥ 50%	86,3%
17.6. Tỷ lệ CTR nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về BVMT	100%	100%	100%	100%
17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với MT	≥ 80%	≥ 80%	≥ 80%	100%
17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ MT	≥ 85%	≥ 90%	≥ 95%	97,54%
17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	UBND tỉnh quy định		Đạt	Đạt
17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	≥ 5%	≥ 10%	≥ 10%	20%
17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	≥ 4m ² / người	≥ 4m ² / người	≥ 4m ²	4,35 m ²
17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥ 85%	≥ 90%	≥ 90%	100%
Tiêu chí 18: Về Chất lượng môi trường sống				
18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	≥ 55%	≥ 65%	≥ 65%	92%
18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	≥ 60 lít	≥ 80 lít	≥ 80 lít	81,52 lít
18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	≥ 35%	≥ 45%	≥ 45%	100%
18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở SXKD thực phẩm hàng năm được tập huấn về ATTP	100%	100%	100%	100%
18.5. Không để xảy ra sự cố về ATTP trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	Không	Không	Không	Không
18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về ATTP	UBND tỉnh quy định		100%	100%
18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	≥ 95%	100%	100%	100%
18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp CTR sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh MT	100%	100%	100%	100%

(iii) Tiêu chí số 18

Tất cả 8/8 tiêu chí về chất lượng MT sống

đều đạt ở mức độ rất cao so với tiêu chí xã NTM nâng cao. Có 32.192 hộ/34.919 hộ sử dụng

nước sạch tập trung; bình quân là 81,52 lít/người/ngày. Cả 2 công trình cấp nước tập trung đều có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững [5, 9].

Có 830/830 cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo ATTP. Hàng năm, 100% các cơ sở SXKD thực phẩm được cập nhật kiến thức về ATTP theo quy định. Không có sự cố nào về ATTP. Có 40/40 cơ sở sơ chế, chế biến nông lâm, thủy sản được cấp giấy đủ điều kiện vệ sinh ATTP và 265/265 cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ, SXKD theo thời vụ, không đăng ký giấy phép kinh doanh đã ký cam kết với UBND xã thực hiện các yêu cầu về ATTP.

100% hộ sử dụng nhà tắm, thiết bị chứa

nước hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn đảm bảo 3 sạch và thường xuyên vệ sinh hệ thống thiết bị chứa nước định kỳ 3 tháng/lần.

Các xã có khu xử lý rác thải tập trung, trong đó có 08/13 xã dùng công nghệ lò đốt. Kiểu lò lắp đặt chủ yếu là kiểu lò LOSIHO, công suất lò đốt > 350 kg/h và 05 xã dùng phương pháp chôn lấp đều vận hành theo Hướng dẫn số 2276/STNMTCCMT ngày 06/12/2013 của Sở TN&MT tỉnh Nam Định.

3.2.2. Cấp huyện

Kết quả thực hiện tiêu chí số 7 và tiêu chí số 8 theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM và huyện NTM nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 [11] được thể hiện trong Bảng 3, Bảng 4.

Bảng 3. Kết quả thực hiện tiêu chí số 7 và số 8 cho huyện nông thôn mới

Tiêu chí huyện NTM	Yêu cầu [11]	Kết quả
Tiêu chí số 7: Môi trường		
7.1. Hệ thống thu gom, xử lý CTR trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ MT; tỷ lệ CTR sinh hoạt chôn lấp trực tiếp	≤ 50% tổng lượng phát sinh	32%
7.2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn	≥ 40%	85,5%
7.3. Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp có quy mô cấp xã trở lên	≥ 01 mô hình	2
7.4. Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp	≥ 01 mô hình	01
7.5. Khu CN, TTCN, làng nghề thực hiện đúng các quy định về bảo vệ MT, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu CN, cụm CN	tối thiểu là 10% diện tích toàn khu.	➤ 10%
7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư NT	≥ 2m ² /người	4,28
7.7. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥ 50%	100%
7.8. Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển CTR sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về BVMT theo quy định	Theo quy định	Đạt
Tiêu chí số 8 về Chất lượng MT sống		
8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	≥ 43%	93%
8.2. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	≥ 35%	100%
8.3. Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện	Có	Có
8.4. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn.	Đạt	Đạt
8.5. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo ATTP	100%	100%

Bảng 4. Kết quả thực hiện tiêu chí số 7 và số 8 cho huyện NTM nâng cao

Tiêu chí huyện NTM nâng cao	Yêu cầu [11]	Kết quả
Tiêu chí số 7: Môi trường		
7.1. Tỷ lệ CTR sinh hoạt và CTR không nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom và xử lý theo quy định	≥ 95%	98%
7.2. Tỷ lệ CTR nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về BVMT	100%	100%
7.3. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm thân thiện với MT	≥ 80%	100%
7.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn	≥ 70%	85,5%
7.5. Tỷ lệ nước thải sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện được thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp	≥ 50%	100%
7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	≥ 4m ² /người	4,28
7.7. Không có làng nghề ô nhiễm MT trên địa bàn huyện	Đạt	Không có
7.8. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥ 85%	100%
Tiêu chí số 8: Chất lượng môi trường sống		
8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	≥ 53%	93 %
8.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn BQ đầu người/ngày đêm	≥ 80 lít	89,8 lít
8.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	≥ 40%	100%
8.4. Có mô hình xử lý nước mặt (ao, hồ) bảo đảm quy định về bảo vệ MT	Có	Có
8.5. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Đạt
8.6. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo ATTP	100%	100%
8.7. Tỷ lệ cán bộ làm công tác quản lý chất lượng ATTP nông lâm thủy sản do huyện quản lý hàng năm được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	100%	100%
8.8. Không để xảy ra sự cố về ATTP trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của huyện	Không	Không
8.9. Có mô hình xã, thôn thông minh	Có	Có

(i) Tiêu chí số 07

Tất cả 8/8 tiêu chí đều đạt ở mức độ rất cao theo tiêu chí huyện NTM và huyện NTM nâng cao. Cụ thể: tổng lượng chất thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày khoảng 92,2 tấn/ngày (33.653 tấn/năm); được phân loại, tái chế và tự xử lý tại hộ khoảng 7,3 tấn/ngày (2.678 tấn/năm); thu gom, xử lý tập trung khoảng 83 tấn/ngày (30.308 tấn/năm). CTR không nguy hại khoảng 403,6 tấn/ngày (147.310 tấn/năm), 100% được thu gom, xử lý [5, 9].

CTR nguy hại phát sinh từ các cơ sở SXKD trong các khu, cụm công nghiệp khoảng 2.638

kg/năm, được thu gom, lưu giữ và xử lý theo quy định. Tổng lượng bao bì thuốc BVTV phát sinh ước tính khoảng 7.568 kg/năm, 100% được thu gom theo quy định với 2.515 bể. Chất thải y tế phát sinh được thu gom, phân loại và đốt đảm bảo quy chuẩn MT hiện hành. Chất thải nguy hại phát sinh từ hộ gia đình chiếm 0,1% lượng rác thải (khoảng 33,6 tấn/năm) gồm bóng đèn huỳnh quang, pin, thiết bị, linh kiện điện tử thải... được thu gom tạo các điểm tập kết.

Về chất thải hữu cơ: lượng phế phụ phẩm được thu gom, xử lý, tái sử dụng và tái chế từ cây trồng là 145.628 tấn/năm, từ chăn nuôi là

78.286 tấn/năm (đạt 100%). Các trang trại, hộ chăn nuôi đã thực hiện các công trình, biện pháp xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh, MT và các điều kiện vệ sinh thú y trong chăn nuôi. Lượng chất thải nhựa phát sinh được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý là 11.305 kg/ngày (4.126,3 tấn/năm) đạt 100% (thu gom tái chế khoảng 1.050 tấn/năm và xử lý khoảng 2.041 tấn/năm) [5, 9].

Đến hết năm 2023, có tất cả 195 xóm, tổ dân phố triển khai mô hình phân loại, xử lý rác thải tại hộ gia đình. Trong đó 170 xóm, tổ dân phố có hoạt động phân loại, xử lý rác thải nguồn hiệu quả, được công nhận là khu dân cư NTM kiểu mẫu [12]. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn đạt 85,5%. Lượng rác thải phát sinh sau khi xử lý làm phân bón, chất dinh dưỡng làm giàu cho đất, ước tính giảm thiểu khoảng 10% lượng rác thải phát sinh ra MT. Nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom, xử lý bằng biện pháp phù hợp là 26.583 m³/ngày đạt tỉ lệ 100%.

Từ năm 2021-2023, huyện đã trồng được 470.000 cây xanh phân tán. Diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn là 757.991 m²; bình quân/người là 4,28 m², (tăng 1,18 m²/người, so với khi đạt chuẩn huyện NTM năm 2017) [5, 9].

(ii) Tiêu chí số 08

Tất cả 8/8 tiêu chí đều đạt đều đạt ở mức độ cao và rất cao theo tiêu chí huyện NTM và huyện NTM nâng cao [11] cụ thể: huyện có 3/3 công trình cấp nước tập trung, có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững. Tính đến 2023, số hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung là 54.668/59.450, trong đó có 588/740 hộ nghèo đạt tỷ lệ 79%. Khối lượng nước cấp sinh hoạt bình quân người/ngày đêm là 89,8 lít.

Có 01 mô hình xử lý nước mặt (ao, hồ) bảo đảm quy định về BVMT với diện tích 12.200 m² tại thị trấn Ngô Đồng. Mô hình đã tạo được cảnh quan sạch đẹp, góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng trong công tác bảo vệ MT [5, 9].

Có 1.855/1.855 cơ sở SXKD thực phẩm toàn tuân thủ các quy định về đảm bảo ATTP. Cụ thể: ngành Y tế có 56/56 cơ sở được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP và 532/532 cơ sở ký cam kết đảm bảo ATTP; ngành NN&PTNT có 250/250 cơ sở được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh ATTP và 557/557 cơ sở ký cam kết ATTP; ngành công thương: quản lý 472/472 cơ sở (trong đó 50 cơ sở sản xuất và 422 cơ sở kinh doanh thực phẩm) thực hiện ký cam kết ATTP. 100% cán bộ làm công tác quản lý chất lượng ATTP nông lâm thủy sản hằng năm được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, trên địa bàn huyện không phát sinh vụ việc vi phạm, sự cố về ATTP [5, 9].

Giai đoạn 2021 – 2025, xã Giao Phong đã thực hiện xây dựng xã thông minh, kết quả cụ thể:

+ Có 01 xóm: xóm Lâm Phú đạt “Mô hình thôn/xóm thông minh”. Xóm đã thành lập Tổ công nghệ số Cộng đồng với 5 thành viên; có sản phẩm tiêu biểu là Yến xào Tứ Gia, chả mực... được giới thiệu, bán hàng sàn thương mại điện tử Lazada. Tại nhà văn hóa xóm có 02 điểm lắp đặt wifi miễn phí tốc độ 100 Mb/s. Trong xóm có 500/638 người dân (đạt 78,3%) được bồi dưỡng, tập huấn phổ biến kiến thức nâng cao kỹ năng số và tham gia sử dụng các nền tảng số và dịch vụ trực tuyến.

+ 100% cán bộ công chức của xã Giao Phong và thành viên của Tổ công nghệ số cộng đồng được tập huấn các kiến thức về chuyển đổi số.

+ Hệ thống truyền thanh hữu tuyến của sử dụng hệ thống Đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông đáp ứng các quy định tại Thông tư số 39/2020/TTBTTTT ngày 24/11/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3.3. Đánh giá của cán bộ về kết quả thực hiện tiêu chí môi trường

Kết quả tổng hợp ở Bảng 5 cho thấy phần lớn các tiêu chí về kết quả thực hiện tiêu chí MT trong XDNMT tại huyện Giao Thủy được đánh giá ở mức rất tốt (điểm trung bình > 4,20).

Bảng 5. Tổng hợp ý kiến đánh giá của cán bộ về kết quả thực hiện tiêu chí môi trường

Nội dung	Mức độ đánh giá (số phiếu)					Điểm TB	Đánh giá
	Rất kém	Kém	TB	Tốt	Rất tốt		
1. Về hướng dẫn thực hiện văn bản liên quan						4,27	Rất tốt
- Văn bản cấp trung ương	0	0	6	13	11	4,17	Tốt
- Văn bản cấp tỉnh	0	0	2	15	13	4,37	Rất tốt
- Các hướng dẫn chuyên môn	0	0	4	14	12	4,27	Rất tốt
2. Về trình tự, thủ tục thực hiện văn bản						4,23	Rất tốt
- Về trình tự	0	0	4	14	12	4,27	Rất tốt
- Về thủ tục	0	0	6	12	12	4,20	Rất tốt
- Về thực hiện văn bản	0	0	4	15	11	4,23	Rất tốt
3. Về công khai các văn bản						4,42	Rất tốt
- Về hình thức công khai	0	0	1	16	13	4,40	Rất tốt
- Về nội dung công khai	0	0	2	13	15	4,43	Rất tốt
- Về thời gian công khai	0	0	1	15	14	4,43	Rất tốt
4. Về kết quả thực hiện quy hoạch XDNTM						4,51	Rất tốt
- Về chỉ tiêu trong phương án quy hoạch	0	0	0	14	16	4,53	Rất tốt
- Về tiến độ thực hiện	0	0	0	12	18	4,60	Rất tốt
- Về quản lý thực hiện	0	0	1	16	13	4,40	Rất tốt
5. Về kết quả thực hiện tiêu chí MT						4,25	Rất tốt
- Việc sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	0	0	1	16	13	4,40	Rất tốt
- Tỷ lệ cơ sở SXKD, NTTS, làng nghề đảm bảo quy định về BVMT	0	0	7	10	13	4,20	Rất tốt
- Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	0	0	3	14	13	4,33	Rất tốt
- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư NT	0	0	7	12	11	4,13	Tốt
- Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo QH	0	0	4	13	13	4,30	Rất tốt
- Tỷ lệ CTR sinh hoạt và CTR không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	0	0	7	11	12	4,17	Tốt
- Tỷ lệ bao gói thuốc BVTV sau sử dụng và CTR y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về BVMT	0	0	4	15	11	4,23	Rất tốt
- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	0	0	6	11	13	4,23	Rất tốt
- Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ MT	0	0	5	14	11	4,20	Rất tốt
- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở SXKD thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo ATTP	0	0	4	12	14	4,33	Rất tốt
- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn	0	0	2	17	11	4,30	Rất tốt
- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	0	0	6	12	12	4,20	Rất tốt

Về công tác ban hành hệ thống các văn bản hướng dẫn, trình tự thủ tục thực hiện văn bản và công khai các văn bản đều được đánh giá ở mức rất tốt. Đây là yếu tố tiền đề quan trọng để huyện Giao Thủy thực hiện quy hoạch XDNTM và NTM nâng cao. Trong đó, tiêu chí về hướng dẫn thực hiện văn bản và công khai các văn bản có mức đánh giá tương đương với kết

quả đánh giá ở huyện Yên Khánh tỉnh Ninh Bình theo nghiên cứu của Đỗ Thị Tám và cộng sự (2024) [12] (với mức điểm > 4,20). Trong khi tiêu chí về trình tự thủ tục thực hiện văn bản ở huyện Giao Thủy được cán bộ đánh giá ở mức rất cao (với mức điểm là 4,23), và cao hơn mức đánh giá ở huyện Yên Khánh [13] (với mức điểm là 4,00).

Về kết quả thực hiện quy hoạch XDNTM của huyện Giao Thủy được đánh giá ở mức rất tốt trên 3 phương diện: chỉ tiêu thực hiện quy hoạch NTM, tiến độ thực hiện và quản lý thực hiện. Mức điểm đánh giá chung cho chỉ tiêu này là 4,51 điểm, và cao hơn kết quả nghiên cứu ở huyện Yên Khánh (với mức điểm là 4,46) [13].

Về việc thực hiện tiêu chí MT được đánh giá ở mức tốt và rất tốt. Trong đó, 10/12 tiêu chí được đánh giá ở mức rất tốt. Chỉ còn 2 tiêu chí đánh giá ở mức tốt (đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư NT - 4,13 điểm, tỷ lệ CTR sinh hoạt và CTR không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định - 4,17 điểm). Cán bộ đánh giá diện tích cây xanh mặc dù đạt về tiêu chí nhưng tỷ lệ ở các khu dân cư nông thôn còn thấp. Việc thu gom rác thải được thực hiện đều đặn tuy nhiên đôi lúc vẫn còn tình trạng ứ đọng. Vì vậy 2 tiêu chí này có mức đánh giá ở mức tốt và thấp hơn so với mức đánh giá ở huyện Yên Khánh [13] (với mức điểm > 4,20). Trong khi tiêu chí “Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch” có mức điểm đánh giá là 4,23,

cao hơn so với mức đánh giá ở huyện Yên Khánh (với mức điểm là 4,13) [13].

Năm 2023 theo Báo cáo số 426/BC-MT-BTT ngày 13/6/2024 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh về kết quả lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng huyện Giao Thủy đạt chuẩn NTM nâng cao năm 2023 [13] có 39.167/54.307 hộ (đã trừ 2 thị trấn) hài lòng, đạt tỷ lệ 72,12%; trong đó có 10/10 câu hỏi đánh giá đạt trên 99% sự hài lòng của người dân. Tuy nhiên việc phân loại rác thải (rác hữu cơ, rác vô cơ) tại các hộ gia đình chưa thực hiện quyết liệt, nên khối lượng rác thải sinh hoạt lớn, khó khăn cho việc vận chuyển, xử lý, chi phí đầu tư xử lý tăng cao.

3.4. Giải pháp thực hiện tốt tiêu chí môi trường

Dựa trên kết quả khảo sát thực tế tại địa phương và kinh nghiệm của các địa phương khác về giải pháp để thực hiện tốt tiêu chí MT trong XDNTM, nghiên cứu tiến hành điều tra cán bộ công chức, viên chức có liên quan đến thực hiện các tiêu chí MT trong XDNTM tại huyện Giao Thủy (Bảng 6).

Bảng 6. Ý kiến đánh giá về một số giải pháp thực hiện tiêu chí môi trường

Giải pháp	TBC	Rất kém	Kém	Trung bình	Tốt	Rất Tốt
Tăng cường phối hợp giữa các cấp chính quyền và nhân dân	4,50	0	0	0	15	15
Tăng cường công tác tuyên truyền	4,20	0	0	6	12	12
Tăng cường hướng dẫn chuyên môn	4,07	0	0	8	12	10
Tăng cường huy động nguồn vốn XDNTM	4,37	0	0	3	13	14
Tăng cường giám sát thực hiện XDNTM	4,33	0	0	3	14	13
Nâng cao chất lượng thực hiện tiêu chí NTM	4,43	0	0	1	15	14

Kết quả nghiên cứu cho thấy hầu hết các giải pháp được cán bộ ở huyện Giao Thủy đánh giá ở mức cao hơn so với nghiên cứu tại huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình [13], cụ thể: có tới 5/6 tiêu chí ở huyện Giao Thủy được đánh giá ở mức rất tốt, đó là: tăng cường phối hợp giữa các cấp chính quyền và nhân dân; tăng cường công tác tuyên truyền; tăng cường hướng dẫn chuyên môn; tăng cường huy động nguồn vốn XDNTM; giám sát thực hiện XDNTM. Duy có giải pháp tăng cường hướng dẫn chuyên môn ở huyện Giao Thủy có điểm đánh giá 4,07 điểm, ở mức tốt.

Về môi trường: cần tập trung xây dựng cảnh quan, MT sáng – xanh - sạch - đẹp; đường thông hè thoáng, không lấn chiếm; chú trọng phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp xanh, thân thiện với MT; MT sinh thái được bảo vệ và nâng cao; đảm bảo 100% CTR sinh hoạt cần được thu gom, xử lý theo quy định; 100% người dân được sử dụng nước sạch tập trung; bổ sung xây dựng hố thu gom vỏ thuốc bảo vệ thực vật.

Về ATTP: công tác môi trường và vệ sinh ATTP phải thực hiện thường xuyên, liên tục; phát triển sản xuất theo hướng sản xuất nông nghiệp sạch,

an toàn sinh học; chú trọng công tác khuyến nông, bảo vệ thực vật, phòng chống dịch bệnh.

Về thực hiện: quản lý, kiểm soát chặt chẽ MT nước ngầm; MT đất; nước mặt; MT không khí và giảm tiếng ồn; bảo vệ MT trong sản xuất. Giám sát, xử lý nghiêm các vi phạm gây ô nhiễm; đánh giá tác động MT và cam kết bảo vệ MT; áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ trong bảo vệ MT. Xây dựng quy chế quản lý bảo vệ MT và kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm MT đối với các vùng bảo tồn, hạn chế phát triển; vùng dân cư đô thị và khu du lịch; vành đai xanh, hành lang xanh và hệ thống cây xanh công cộng. Tăng cường truyền truyền, phổ biến các biện pháp thực hiện phân loại CTR tại nguồn và nâng cao nhận thức về bảo vệ MT. Xây 01 trạm trung chuyển CTR tại mỗi điểm dân cư nông thôn; xây dựng thêm các công viên, vườn hoa và trồng cây xanh trên các tuyến đường. Triển khai hệ thống trạm xử lý nước thải tập trung theo quy hoạch vùng huyện đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị và sản xuất công nghiệp. Đối với các điểm dân cư nông thôn bố trí các trạm xử lý cục bộ.

4. KẾT LUẬN

Chương trình mục tiêu quốc gia về XDNTM đã đạt được những kết quả quan trọng góp phần thay đổi bộ mặt nông thôn và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân ở vùng nông thôn. Trong đó, việc thực hiện tiêu chí MT là rất quan trọng. Huyện Giao Thủy đã hoàn thành XDNTM từ năm 2017, năm 2023 đạt huyện NTM nâng cao. Đến nay toàn huyện có 20/20 xã đạt xã NTM, 13/20 xã đạt chuẩn NTM nâng cao theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025, 11/20 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; 01 xã được Bộ NN&PTNT chọn xây dựng xã NTM thông minh; 02 thị trấn đã đạt chuẩn đô thị văn minh. Kết quả điều tra cán bộ về thực hiện tiêu chí MT trong XDNTM có 5/5 tiêu chí được đánh giá ở mức rất tốt. Từ đó đã đề xuất được 6 nhóm giải pháp (tăng cường phối hợp giữa các cấp chính quyền và nhân dân; tăng cường công tác tuyên truyền; tăng cường hướng dẫn chuyên môn; tăng cường huy động nguồn vốn XDNTM; tăng cường giám sát thực hiện XDNTM; nâng cao chất lượng thực hiện tiêu chí NTM) để thực hiện tốt tiêu chí MT.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Thủ tướng chính phủ (2023). Báo cáo số 475/BC-CP ngày 30/09/2023. Kết quả giữa kỳ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.
- [2]. Thủ tướng chính phủ (2022a). Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 8/3/2022 về việc Ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 -2025.
- [3]. Thủ tướng Chính phủ (2022b). Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 2/8/2022 về việc Phê duyệt Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong XDNTM giai đoạn 2021 – 2025.
- [4]. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Nam Định (2023). Sơ kết 3 năm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Nam Định.
- [5]. Thủ tướng Chính phủ (2024). Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 02/8/2024 về việc công nhận huyện Giao Thủy đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023.
- [6]. R. Likert (1932). A Technique for the Measurement of Attitudes. Archives of Psychology. 22(140): 5-55.
- [7]. Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS. NXB Thống kê, Hà Nội.
- [8]. UBND huyện Giao Thủy (2024a). Niên giám thống kê huyện Giao Thủy năm 2023.
- [9]. UBND huyện Giao Thủy (2024b). Báo cáo số 351/BC-UBND ngày 10/6/2024 của UBND huyện Giao Thủy về Cập nhật, bổ sung kết quả thông tin, số liệu về xây dựng nông thôn mới nâng cao đến hết năm 2023 trên địa bàn huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
- [10]. UBND tỉnh Nam Định (2022b). Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 về việc ban hành tiêu chí xã NTM và NTM nâng cao thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh tỉnh giai đoạn 2021-2025.
- [11]. Thủ tướng Chính phủ (2022c). Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 8/3/2022 Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025.
- [12]. Đỗ Thị Tám, Trần Trọng Phương & Lâm Văn Quang (2024). Đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới tại huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia Môi trường nông nghiệp, nông thôn và phát triển bền vững. Hà Nội. Nxb Học viện Nông nghiệp. 132-144.
- [13]. Ủy Ban mặt trận tổ quốc tỉnh Nam Định (2024). Báo cáo số 426/BC-MT-BTT ngày 13/6/2024 về kết quả lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng huyện Giao Thủy đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023.